

Số: 54 /2024/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định danh mục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục tối thiểu thiết bị dạy

học môn Vật lý, Hóa học, Sinh học, Tin học và Ngoại ngữ - Trường trung học phổ thông chuyên (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2011/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non (sau đây gọi tắt là Thông tư số 32/2012/TT-BGDĐT);

Thực hiện Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non (sau đây gọi tắt là Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 11/2018/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Tiêu chí để xác định hàng hoá chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở (sau đây gọi tắt là Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học (sau đây gọi tắt là Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở; Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ

Giáo dục và Đào tạo, Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2023/TT-BGDĐT);

Thực hiện Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT ngày 22/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đính chính Thông tư 26/2023/TT-BGDĐT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số quy định tại danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành kèm theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học, Thông tư 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở, Thông tư 39/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học phổ thông (sau đây gọi tắt là Quyết định 1450/QĐ-BGDĐT);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 1572/TTr-SGDĐT ngày 27 tháng 06 năm 2024 và và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 1840/BC-STP ngày 18 tháng 06 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành Quy định danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục).

b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong các cơ sở giáo dục công lập

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong cơ sở giáo dục công lập các cấp, thực hiện theo Phụ lục (đính kèm).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở dự toán ngân sách được duyệt hàng năm, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành khác về quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện trang bị, mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành danh mục, tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở giáo dục và đào tạo tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 21/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận bổ sung danh mục thiết bị chuyên dùng phục vụ đào tạo của ngành Giáo dục và Đào tạo thuộc Phụ lục kèm theo Quyết định số 47/2020/QĐ-UBND ngày 04/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ Pháp chế, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- TT.HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH, Công báo;
- Lưu: VT, VXNV. Văn.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Long Biên